

Professional
Powder Equipment
Manufacturer



Powder
Equipment



Milling
Technology



Powder
Materials

TENCAN

Product Brochure



DÒNG THIẾT BỊ THIÊU KẾT

Lò nung muffle (lò hộp)

TC-12N/14S/17M/18H

Lò nung dạng hộp (muffle) sử dụng buồng sợi gốm đa tinh thể mulit, hệ số dẫn nhiệt thấp, độ bền cao, tiết kiệm năng lượng và cách nhiệt hiệu quả.

<https://www.labballmill.com/vi/products/sintering-series/muffle-furnace.html>

Generated at 2026-07-28 15:23:11



Tổng quan sản phẩm

Lò nung dạng hộp (muffle) sử dụng buồng sợi gốm đa tinh thể mulit, hệ số dẫn nhiệt thấp, độ bền cao, tiết kiệm năng lượng và cách nhiệt hiệu quả.





Giới thiệu sản phẩm

Lò Muffle, còn được gọi là lò điện trở kiểu hộp hoặc lò nhiệt độ cao, là một thiết bị xử lý nhiệt khép kín được làm nóng bằng các bộ phận làm nóng bằng điện. Tính năng cốt lõi của nó là buồng gia nhiệt độc lập (buồng múp), cho phép vật liệu hoàn tất quá trình gia nhiệt, thiêu kết, tro hóa hoặc xử lý nhiệt trong môi trường được kiểm soát, tránh tiếp xúc trực tiếp với các bộ phận làm nóng và ngăn ngừa ô nhiễm sản phẩm. Từ nghiên cứu vật liệu trong phòng thí nghiệm đến sản xuất xử lý nhiệt trong lĩnh vực công nghiệp, lò múp đã trở thành một thiết bị thiết yếu trong khoa học vật liệu, phân tích hóa học, gia công gốm sứ, xử lý nhiệt kim loại và các lĩnh vực khác với khả năng kiểm soát nhiệt độ chính xác, phân bố nhiệt độ đồng đều và an toàn đáng tin cậy.

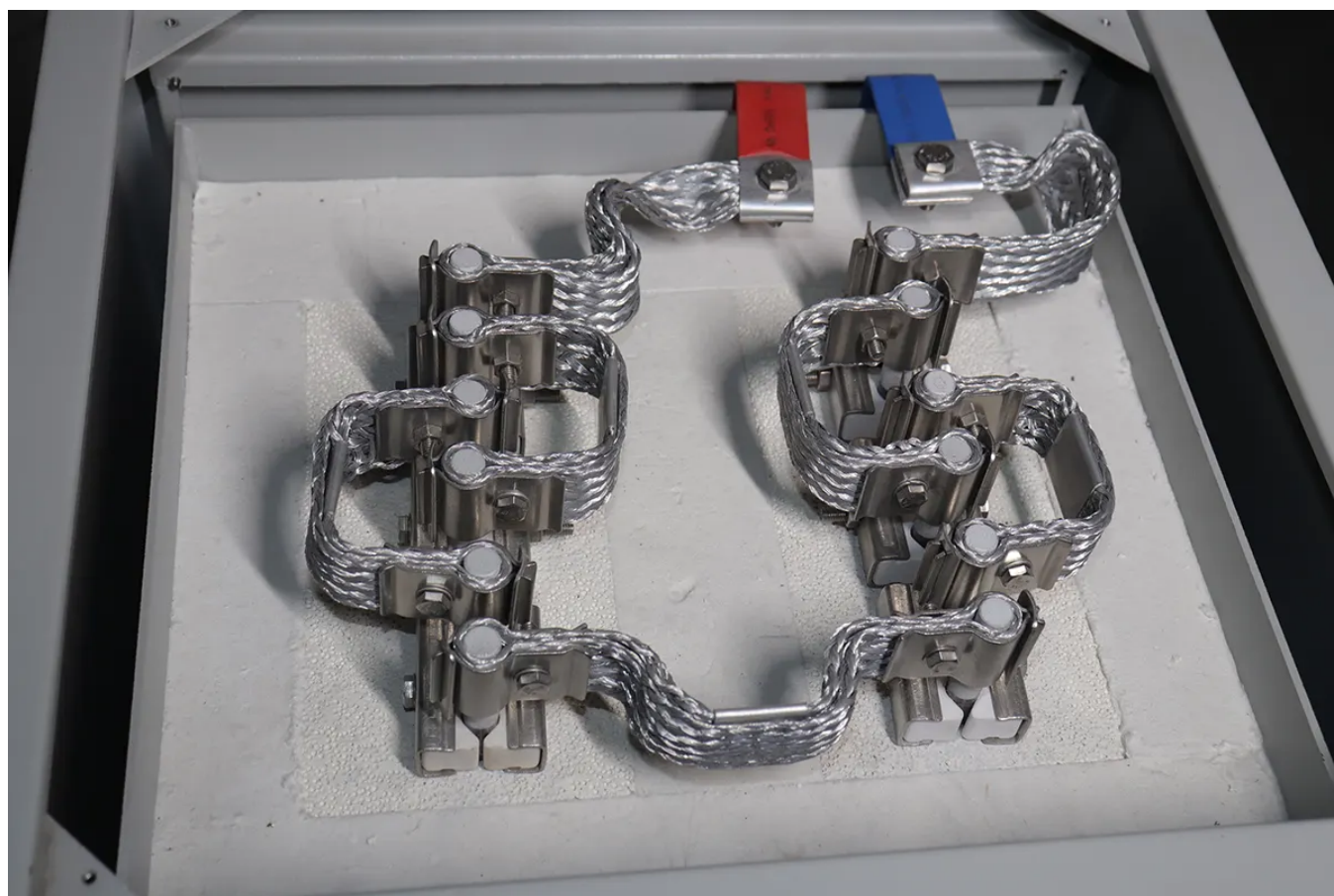
Lò kiểu hộp sử dụng lò sợi mullite đa tinh thể, có độ dẫn nhiệt thấp, độ bền cao, cách nhiệt tuyệt vời và hiệu quả tiết kiệm năng lượng. Mái lò là kết cấu composite được gia cố, không bị sập sau thời gian sử dụng.

dụng lâu dài.

Loạt lò hộp này là thiết bị đặc biệt được phát triển để thiêu kết, nấu chảy và phân tích kim loại, phi kim loại và các vật liệu hợp chất khác trong phòng thí nghiệm của các trường đại học, viện nghiên cứu khoa học và các doanh nghiệp công nghiệp và khai thác mỏ.







Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật lò hộp 1200oC

người mẫu	Nhiệt độ tối đa (°C)	Nhiệt độ làm việc (°C)	Kích thước bên trong (chiều rộng * chiều cao * chiều sâu) mm	Khối lượng (L)	Công suất (kW)	Số lượng giai đoạn	loại cấp nhiệt điện
TC-12N-1	1200	1100	100*100*100	1	0.8	1	loại K
TC-12N-3	1200	1100	150*150*150	3	2.5	1	loại K
TC-12N-8	1200	1100	200*200*200	8	5	1	loại K
TC-12N-12	1200	1100	200*200*300	12	6	1	loại K
TC-12N-36	1200	1100	300*300*400	36	10	3	loại K
TC-12N-64	1200	1100	400*400*400	64	16	3	loại K
TC-12N-125	1200	1100	500*500*500	125	25	3	loại K
TC-12N-216	1200	1100	600*600*600	216	36	3	loại K
TC-12N-512	1200	1100	800*800*800	512	64	3	loại K
TC-12N-729	1200	1100	900*900*900	729	80	3	loại K

Thông số kỹ thuật lò hộp 1400oC

người mẫu	Nhiệt độ tối đa (°C)	Nhiệt độ hoạt động (°C)	Kích thước bên trong (chiều rộng * chiều cao * chiều sâu) mm	Khối lượng(L)	Công suất (kW)	Số lượng giai đoạn	loại cấp nhiệt điện
TC-14S-1	1400	1300	100*100*100	1	1	1	loại chữ S
TC-14S-3	1400	1300	150*150*150	3	3	1	loại chữ S
TC-14S-8	1400	1300	200*200*200	8	5	1	loại chữ S
TC-14S-12	1400	1300	200*200*300	12	7	1	loại chữ S
TC-14S-36	1400	1300	300*300*400	36	11	3	loại chữ S
TC-14S-64	1400	1300	400*400*400	64	18	3	loại chữ S
TC-14S-125	1400	1300	500*500*500	125	27	3	loại chữ S
TC-14S-216	1400	1300	600*600*600	216	40	3	loại chữ S
TC-14S-512	1400	1300	800*800*800	512	70	3	loại chữ S
TC-14S-729	1400	1300	900*900*900	729	88	3	loại chữ S

Thông số kỹ thuật lò hộp 1700oC

người mẫu	Nhiệt độ tối đa (°C)	Nhiệt độ hoạt động (°C)	Kích thước bên trong (chiều rộng * chiều cao * chiều sâu) mm	Khối lượng(L)	Công suất (kW)	Số lượng giai đoạn	loại cấp nhiệt điện
TC-17M-1	1700	1600	100*100*100	1	1	1	Loại B
TC-17M-3	1700	1600	150*150*150	3	4	1	Loại B
TC-17M-8	1700	1600	200*200*200	8	7	1	Loại B
TC-17M-12	1700	1600	200*200*300	12	8	1	Loại B
TC-17M-36	1700	1600	300*300*400	36	12	3	Loại B
TC-17M-64	1700	1600	400*400*400	64	20	3	Loại B
TC-17M-125	1700	1600	500*500*500	125	30	3	Loại B
TC-17M-216	1700	1600	600*600*600	216	45	3	Loại B
TC-17M-512	1700	1600	800*800*800	512	80	3	Loại B
TC-17M-729	1700	1600	900*900*900	729	96	3	Loại B

Thông số kỹ thuật lò hộp 1800oC

người mẫu	Nhiệt độ tối đa (° C)	Nhiệt độ hoạt động (° C)	Kích thước bên trong (chiều rộng * chiều cao * chiều sâu) mm	Khối lượng(L)	Công suất (kW)	Số lượng giai đoạn	loại cặp nhiệt điện
TC-18HM-1	1800	1700	100*100*100	1	2	1	Loại B
TC-18HM-3	1800	1700	150*150*150	3	6	1	Loại B
TC-18HM-8	1800	1700	200*200*200	8	8	1	Loại B
TC-18HM-12	1800	1700	200*200*300	12	9	1	Loại B
TC-18HM-36	1800	1700	300*300*400	36	15	3	Loại B
TC-18HM-64	1800	1700	400*400*400	64	25	3	Loại B
TC-18HM-125	1800	1700	500*500*500	125	35	3	Loại B
TC-18HM-216	1800	1700	600*600*600	216	50	3	Loại B

Lưu ý: Trên đây là danh sách tham số tiêu chuẩn. Nếu bạn có yêu cầu kích thước đặc biệt, vui lòng liên hệ với chúng tôi để có các dịch vụ tùy chỉnh.

Tính năng sản phẩm

- Nhiệt độ tối đa RT~1800°C.
 - Dung tích 1 ~ 1000L.
 - Các bộ phận làm nóng: Dây điện trở sắt-crom-nhôm HRE, thanh carbon silicon hình chữ U, thanh molybden silicon hình chữ U, v.v.
- Cả cửa trên và cửa bên đều có thể được tùy chỉnh để giúp người vận hành tránh xa nguồn nhiệt.
- Điều khiển tự động lập trình 50 đoạn thông minh.
 - Với chức năng báo động quá nhiệt.
 - Cấu trúc làm mát không khí hai lớp, quạt làm mát có thể đảm bảo nhiệt độ vỏ dưới 60 độ.

Phụ kiện và tùy chỉnh

Phụ kiện tiêu chuẩn:

Gạch chặn lửa cửa lò
găng tay nhiệt độ cao
Kẹp nấu kim loại
thủ công
Các bộ phận làm nóng bổ sung (Mẫu 1400 và 1700)

Phụ kiện tùy chọn:

Màn hình cảm ứng HD
lỗ thoát khí
lỗ quan sát
đồ nội thất lò nung nhiều lớp
nồi nấu corundum
Phần mềm truyền thông, v.v.

Phụ kiện và tùy chỉnh

Phụ kiện

Bình nghiền, bộ phận gia nhiệt, giá đỡ mẫu, mô-đun điều khiển và các phụ kiện phù hợp khác có thể được chọn theo cấu hình sản phẩm.

Tùy chỉnh

Về điện áp, công suất, kích thước buồng, nhiệt độ quy trình hoặc yêu cầu ứng dụng, vui lòng liên hệ TENCAN để có cấu hình phù hợp.